

Số: /GPMT-BQL

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn tại Văn bản số 02/CV-HAQN ngày 10/01/2025 về việc bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu tại lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn, địa chỉ trụ sở chính tại lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B33, B34 và B38, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 4101435124 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/8/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 619/QĐ-BQL do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 31/12/2024.

1.4. Mã số thuế: 4101435124.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 41.088,7m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Công suất: 1.450m<sup>3</sup> gỗ tinh chế/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định

của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay các hoạt động liên quan đến việc đấu nối nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND phường Trần Quang Diệu nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 18 tháng 01 năm 2025 đến ngày 17 tháng 01 năm 2035).

**Điều 4.** Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đại diện Ban Quản lý tại khu kinh tế, khu công nghiệp căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP Quy Nhơn;
- UBND phường Trần Quang Diệu;
- Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn;
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng: QLĐT, QLQHXD, QLDN;
- VP Ban (công khai trên website);
- VP Đại diện BQL;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thanh Nguyên**

## Phụ lục 01

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài, không xả thải ra môi trường; nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi, nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý.

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

##### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm, sau đó tự chảy theo đường ống nhựa PVC D200 đầu nối vào hố ga của khu công nghiệp tại vị trí T1 và T2, phía Bắc mặt bằng để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài.

- Tọa độ hố ga đầu nối nước thải:

+ Hố ga tại vị trí T1:  $X(m) = 1523879$ ;  $Y(m) = 596764$ .

+ Hố ga tại vị trí T2:  $X(m) = 1523784$ ;  $Y(m) = 596770$ .

*(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $108^{\circ}15'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).*

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối đảm bảo đạt theo Quyết định số 404 ngày 13/4/2012 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

- Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi → Bể bể đập → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi → Thùng chứa nước của Bồn phun sơn màng nước → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

##### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh → 04 Bể tự hoại (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn rút) → Hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp.

- Dung tích bể tự hoại: 10m<sup>3</sup>/bể (04 bể).
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra hệ thống đường ống dẫn nước thải đảm bảo hiệu quả thu gom và đấu nối triệt để nước thải.
- Định kỳ hút bùn, cặn tại bể tự hoại để đảm bảo dung tích lưu chứa nước thải và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải trước khi đấu nối.
- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thu gom, lưu chứa nước thải tại nhà máy đảm bảo đường ống dẫn và công trình lưu chứa nước thải luôn luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Các công trình xử lý sơ bộ nước thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải phải tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thực hiện việc thu gom, xử lý sơ bộ và ký hợp đồng đấu nối toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định; Lưu giữ và ký hợp đồng chuyển giao nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò hơi, xử lý bụi và hơi dung môi với đơn vị có chức năng xử lý, việc chuyển giao nước thải phải có chứng từ theo đúng quy định.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường hoặc chuyển giao nước thải không đúng quy định.

**Phụ lục 02****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động lò hơi, công suất 3,5 tấn/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải (bụi, mùi) phát sinh từ công đoạn phun sơn.
- Nguồn số 03: Khí thải (bụi) phát sinh từ các công đoạn chế biến gỗ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng số 01: Miệng ống khói của hệ thống xử lý khói thải lò hơi 3,5tấn/giờ. Tọa độ X=1523.788, Y=596.676.
- Dòng số 02: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 01. Tọa độ X=1523.704, Y=596.944.
- Dòng số 03: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 02. Tọa độ X=1523.696, Y=596.948.
- Dòng số 04: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 03. Tọa độ X=1523.691, Y=596.946.
- Dòng số 05: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 04. Tọa độ X=1523.681, Y=596.950.
- Dòng số 06: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 05. Tọa độ X=1523.732, Y=596.875.
- Dòng số 07: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 06. Tọa độ X=1523.738, Y=596.874.
- Dòng số 08: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 07. Tọa độ X=1523.745, Y=596.874.
- Dòng số 09: Miệng ống thoát của hệ thống phun sơn tự động. Tọa độ X=1523.700, Y=596.951.
- Dòng số 10: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi trung tâm dây chuyền sơ chế I. Tọa độ X= 1523.788; Y= 596.756.
- Dòng số 11: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi trung tâm dây chuyền sơ chế II. Tọa độ X= 1523.788; Y= 596.758.
- Dòng số 12: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi trung tâm dây chuyền tinh chế. Tọa độ X= 1523.678; Y= 596.724.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $108^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $192.800 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Dòng số 01: Lưu lượng  $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 02: Lưu lượng  $7.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 03: Lưu lượng  $7.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 04: Lưu lượng  $7.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 05: Lưu lượng  $7.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 06: Lưu lượng  $7.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 07: Lưu lượng  $7.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 08: Lưu lượng  $7.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 09: Lưu lượng  $2.400 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 10: Lưu lượng  $50.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 11: Lưu lượng  $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;
- Dòng số 12: Lưu lượng  $50.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng số 01: Xả liên tục 24 giờ/ngày.
- Dòng số 02 đến dòng số 12: Xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất của cơ sở là 08 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B ( $K_p=0,8$ ;  $K_v=1$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục	
<b>I</b>	<b>Dòng số 1</b>				06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
01	Bụi tổng	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	160			
02	$\text{SO}_2$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	400			
03	$\text{NO}_x$ (tính theo $\text{NO}_2$ )	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	680			
04	CO	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	800			
05	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-			
<b>II</b>	<b>Dòng số 02 đến 09</b>				01 năm/lần	
01	Bụi tổng	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	160			

02	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	5		
03	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		
04	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
<b>III</b>	<b>Dòng số 10 đến dòng số 12</b>				
01	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160	06	
02	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	tháng/lần	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải bằng đường ống inox D580 thông qua quạt hút có công suất 15HP.

- Nguồn số 02: Khí thải (bụi, mùi) phát sinh từ công đoạn phun sơn được thu gom vào 08 hệ thống hấp thụ bằng 22 quạt hút có công suất 3HP/quạt.

- Nguồn số 03: Khí thải (bụi) phát sinh từ các công đoạn chế biến gỗ được thu gom đưa vào hệ thống xử lý bụi (hệ thống thu gom là các đường ống nhánh bằng thép không gỉ có đường kính Ø125, kết nối với đường ống chính bằng tôn tráng kẽm có đường kính Ø630 thông qua 02 quạt hút có công suất 100HP/quạt và 01 quạt hút có công suất 60HP).

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

#### 1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải nguồn số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclone tách bụi → Tháp xử lý bụi ướt (sử dụng béc phun nước) → Bể đập bụi → Ống khói thoát khí sạch ra môi trường.

- Tổng công suất thiết kế: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không

- Vật liệu sử dụng: dùng nước làm tác nhân hấp thụ.

#### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải nguồn số 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Bụi và hơi dung môi phát sinh tại khu vực Buồng phun sơn màng nước → 07 tháp nước hấp thụ → 07 ống thoát khí sạch ra môi trường.

+ Bụi và hơi dung môi phát sinh tại khu vực phun sơn tự động → Màng lọc → Ống thoát khí sạch ra môi trường.

- Tổng công suất thiết kế: 52.800m<sup>3</sup>/giờ.



- Hóa chất sử dụng: Không.
- Vật liệu sử dụng: Nước hấp thụ, màng lọc.

### 1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải nguồn số 03:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh tại các công đoạn chế biến gỗ (chuyên sơ chế I, II, chuyên tinh chế) → Miệng hút → Đường ống nhánh → Đường ống chính → Cyclone thu hồi bụi kết hợp nhà chứa bụi → Khí sạch thoát ra ngoài môi trường.

- Tổng công suất thiết kế: 130.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến bụi, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết bị xử lý bụi, khí thải của cơ sở để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi; Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phun sơn và hệ thống xử lý bụi trung tâm đã được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, các ống thoát của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phun sơn và hệ thống xử lý bụi trung tâm đã được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do Công ty tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm

đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo không để bụi, khí thải phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi cơ sở. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các hệ thống xử lý và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; Đảm bảo các ống thoát của các hệ thống xử lý khí thải phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.4. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải (như: thời gian thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, thời gian lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm gửi Ban Quản lý Khu kinh tế; sổ nhật ký vận hành thử nghiệm,...).

3.5. Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

**Phụ lục 03****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 01 năm 2025  
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực cửa xe gỗ (xưởng cửa CD).
- Nguồn số 02: Tại khu vực hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên sơ chế.
- Nguồn số 03: Tại khu vực hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên tinh chế.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 1523859; Y= 596658.
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1523787; Y= 596757.
- Nguồn số 03: Tọa độ X= 1523681; Y= 596727.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $108^{\circ}15'$ , múi chiều  $3^0$ ).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	55	-	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	60	-	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 04****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 01 năm 2025  
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Huyền phù nước thải lẫn sơn hoặc vecni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	8.400	08 01 04	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	10	16 01 06	NH
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	130	18 02 01	KS
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại (thùng sơn, dầu màu,...)	590	18 01 02	KS
5	Bao bì nhựa cứng thải (thùng đựng keo, phụ gia,...)	100	18 01 03	KS
6	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	550	08 01 01	KS
7	Ắc quy chì thải (sử dụng cho xe nâng)	10	19 06 01	NH
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.790</b>		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Thành phần chất thải	Số lượng (kg/ngày)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Mùn cưa, đầu mẫu, gỗ thừa, bụi gỗ,...	2.200	09 01 03	TT-R
2	Bao bì carton, bao bì nhựa thải bỏ	60	18 01 05	TT-R

STT	Thành phần chất thải	Số lượng (kg/ngày)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
			18 01 06	
3	Tro lò hơi	65	04 02 06	TT
3	Bùn từ bể lắng của hệ thống xử lý khí thải lò hơi	1	12 01 12	TT
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.326</b>		

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: khoảng 3 tấn/tháng.

- Chủng loại:

+ Chất thải thực phẩm: bao gồm các thức ăn dư thừa, rau, củ thải bỏ,... Chúng dễ phân hủy sinh học nên dễ gây phát sinh mùi hôi thối và nước rỉ rác.

+ Chất thải có khả năng tái chế: Bao gồm giấy, plastic, bao bì nhựa, chai lọ bằng nhựa, vỏ lon, chai thủy tinh,...

+ Chất thải khác: các loại chất thải sinh hoạt còn lại.

### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa PVC loại 120L, 240L tại kho chứa CTNH để thu gom và lưu chứa toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: kho chứa CTNH ở phía Nam của nhà máy có diện tích 6m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chứa để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa),... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Mùn cưa phát sinh khi cưa xẻ gỗ sẽ được thu gom vào bao và lưu chứa trong khu vực xưởng cưa CD có mái che.

- Gỗ phế, gỗ vụn được Công ty thu gom tập kết tại khu vực chứa củi nằm trong khu lò hơi để tận dụng làm nhiên liệu đốt, khu tập kết có diện tích khoảng 8m<sup>2</sup> có mái che đảm bảo lưu chứa khối lượng củi tiêu thụ tối đa trong ngày.

- Tro lò sấy được thu gom vào bao và tập kết tại khu vực lò sấy có mái che.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng đựng rác dung tích 240L chuyên dụng màu xanh có nắp đậy để thu gom, phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Khu vực để thiết bị lưu chứa: tại các khu vực dọc xưởng sản xuất, đường nội bộ, văn phòng làm việc.

### 3. Hoạt động tự tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Loại chất thải tự tái sử dụng: đầu mẫu, gỗ thừa phát sinh trong quá trình sản xuất.

- Khối lượng chất thải tự tái sử dụng: 2.200 (kg/ngày).

- Quy trình tái sử dụng: đầu mẫu, gỗ thừa → thu gom về khu vực lò hơi → làm nhiên liệu đốt lò.

- Công suất lò hơi: 3,5 tấn hơi/giờ.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Chủ cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

- Thực hiện quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**Phụ lục 05****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)*

1. Công khai Giấy phép môi trường của cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Trần Quang Diệu trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh trong phạm vi mặt bằng đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch được duyệt.

4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.

5. Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như chất thải nguy hại. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hoá chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại cơ sở.

9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; Có hệ thống quản lý môi trường

theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.